

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019
của thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm (Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 30/01/2019) và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 770/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/4/2019),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: Ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Xã Long Bình	Xã Tân Long	Xã Mỹ Quới	Xã Mỹ Bình	Xã Vĩnh Quới
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		24.215,13	1.955,67	4.475,66	3.362,16	3.010,88	3.274,68	2.939,36	2.093,93	3.101,79
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.753,69	1.587,93	3.965,92	3.053,30	2.807,61	2.916,71	2.717,73	1.918,95	2.785,54
1.1	Đất trồng lúa	LUA	18.629,97	1.236,29	3.383,72	2.758,06	1.976,13	2.672,42	2.432,28	1.738,19	2.432,88
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	18.629,97	1.236,29	3.383,72	2.758,06	1.976,13	2.672,42	2.432,28	1.738,19	2.432,88
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14,74	7,58	7,16						